

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành đơn giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng
ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp
trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính Phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 06 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Quyết định số 35/2017/QĐ-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc ban hành quy định về quản lý giá trên địa bàn tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu;

Căn cứ Quyết định số 1565/QĐ-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc Ban hành định mức kinh tế kỹ thuật đào tạo một số nghề trình độ sơ cấp, trung cấp và cao đẳng áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;

Theo đề nghị của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 1193/TTr-SLĐTBXH ngày 08 tháng 10 năm 2021 về việc đề nghị phê duyệt đơn giá dịch vụ đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp, trình độ sơ cấp cho một số nghề áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành đơn giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu với nội dung chi tiết tại Phụ lục kèm theo Quyết định này, áp dụng từ năm học 2021-2022 trở đi.

Điều 2. Đơn giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp được áp dụng cho người học tham gia các khóa đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp, trình độ sơ cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập, tư thục và có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp, trình độ sơ cấp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Trong quá trình thực hiện khi các chế độ chính sách của nhà nước có thay đổi hoặc do biến động về giá, giao Sở Lao động – Thương binh và Xã hội phối hợp với Sở Tài chính điều chỉnh đơn giá trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban Nhân dân Tỉnh, Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Kho bạc Nhà nước Tỉnh, Cục trưởng Cục Thuế và Thủ trưởng các đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VX5_(H)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH** ✓



Trần Văn Tuấn



Phụ lục
Đơn giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách thuộc lĩnh vực
giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
(Kèm theo Quyết định số 4492/QĐ-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu)

1- Đơn giá dịch vụ đào tạo trình độ cao đẳng:

a) Đơn giá dịch vụ đào tạo trình độ cao đẳng chưa bao gồm khấu hao:

ĐVT: đồng.

Stt	Nghề đào tạo	Giá dịch vụ đặt hàng đào tạo
1	Nghề Cơ điện tử	72.371.000đ
2	Nghề Cắt gọt kim loại	83.332.000
3	Nghề Chế tạo khuôn mẫu	114.758.000
4	Nghề Kỹ thuật lắp đặt điện và điều khiển trong công nghiệp	69.686.000

b) Đơn giá dịch vụ đào tạo trình độ cao đẳng đã bao gồm khấu hao:

ĐVT: đồng.

Stt	Nghề đào tạo	Giá dịch vụ đặt hàng đào tạo
1	Nghề Cơ điện tử	74.014.000
2	Nghề Cắt gọt kim loại	86.000.000
3	Nghề Chế tạo khuôn mẫu	116.433.000
4	Nghề Kỹ thuật lắp đặt điện và điều khiển trong công nghiệp	70.942.000

2- Đơn giá dịch vụ đào tạo trình độ trung cấp:

a) Đơn giá dịch vụ đào tạo trình độ trung cấp chưa bao gồm khấu hao:

ĐVT: đồng.

Stt	Nghề đào tạo	Giá dịch vụ đặt hàng đào tạo
1	Nghề Cơ điện tử	63.021.000
2	Nghề Cắt gọt kim loại	57.006.000

b) Đơn giá dịch vụ đào tạo trình độ trung cấp đã bao gồm khấu hao:

ĐVT: đồng.

Stt	Nghề đào tạo	Giá dịch vụ đặt hàng đào tạo
1	Nghề Cơ điện tử	64.708.000
2	Nghề Cắt gọt kim loại	59.438.000



3- Đơn giá dịch vụ đào tạo trình độ sơ cấp

a) Đơn giá dịch vụ đào tạo trình độ sơ cấp chưa bao gồm khấu hao:

ĐVT: đồng.

STT	Nghề đào tạo	Giá dịch vụ đặt hàng đào tạo
1	Nghề Điện lạnh	9.832.000
2	Nghề Điện Công nghiệp	11.886.000
3	Nghề Tiện	9.381.000
4	Nghề Hàn cơ bản	6.869.000
5	Nghề Hàn 6G	18.263.000
6	Nghề Lắp ráp kết cấu kim loại	11.406.000
7	Nghề Kỹ thuật xây dựng	12.752.000
8	Nghề May công nghiệp	7.809.000
9	Nghề Lắp ráp, sửa chữa máy tính	9.599.000

b) Đơn giá đào tạo trình độ sơ cấp đã bao gồm khấu hao:

ĐVT: đồng.

Stt	Nghề đào tạo	Giá dịch vụ đặt hàng đào tạo
1	Nghề Điện lạnh	10.011.000
2	Nghề Điện Công nghiệp	12.016.000
3	Nghề Tiện	9.971.000
4	Nghề Hàn cơ bản	7.038.000
5	Nghề Hàn 6G	18.692.000
6	Nghề Lắp ráp kết cấu kim loại	12.258.000
7	Nghề Kỹ thuật xây dựng	12.799.000
8	Nghề May công nghiệp	7.843.000
9	Nghề Lắp ráp, sửa chữa máy tính	9.695.000